

VĂN HỌC XÔVIẾT TRONG BỨC TRANH DỊCH THUẬT Ở VIỆT NAM

VŨ HỒNG LOAN*

Trong quá trình phát triển của mình, các nền văn học dân tộc khác nhau trên thế giới luôn có những mối giao lưu với nhau, mỗi giao lưu ấy trước hết là thông qua con đường dịch thuật. Đại đa số các nền văn hóa trên hành tinh này, xuyên qua thời gian và vượt qua không gian, đến được với nhau đều nhờ vào con đường đó. Sách dịch thuật, như lời Lưu Văn Bồng nhận định, là “*quặng*” cho nhiều chế phẩm sau đó của văn học dân tộc.^[1] Trong ý nghĩa đó, văn học dịch Xô-viết đối với đời sống tinh thần xã hội Việt Nam hết sức quan trọng. Quan trọng không kém nữa là chính mảng văn học dịch này đã thể hiện khá rõ những bước đi của đời sống chính trị – xã hội và sự vận động của nhu cầu thị hiếu của chúng ta trong suốt hơn nửa thế kỷ qua. Cùng với văn học nước nhà mảng văn học dịch này đã đánh dấu những cột mốc cho một chặng đường khó phai mờ vừa qua trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Với bài viết nhỏ này chúng tôi xin tổng thuật lại bức tranh dịch thuật ấy kể từ khi văn học Xô-viết vào Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám 1945) đến khi Liên bang Xô-viết tan rã (1991).

Những trang dịch thuật văn học Xô-viết xuất hiện khá sớm ở Việt Nam. Có thể coi bản dịch sớm nhất có lẽ là của Vũ Ngọc Phan (một đoạn *Thời thơ ấu* của M. Gorki đăng trên tạp chí *Pháp Việt* số 195 ra ngày 1/8/1936). Một điều thú vị, ít ai biết, là Tố Hữu trước thời gian bị bắt giam (tức trước 1939), đã dịch *Người mẹ* của M. Gorki.^[2] Trong danh mục mà chúng tôi thống kê thì những bản dịch kế tiếp theo là *Trong tù, Người mẹ* (M. Gorki) do Ngô Vĩnh dịch năm 1946 – nhà xuất bản Tân Việt, cũng năm đó Lê Mộng Lân dịch *Chuyện chân quê* (Ivan Tourgurmov) – nhà xuất bản Đại học. Bài thơ *Đội anh về* của C. Simonov (Tố Hữu dịch qua bản tiếng Pháp) in trong *Văn nghệ* số 2 năm 1948. Năm 1949 có tập truyện cho thiếu nhi *Misa* của Polevoi (Vũ Ngọc Phan dịch) – nhà xuất bản Văn

* NCS, Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM.

nghệ, *Họ đánh vì tổ quốc* của M. Solokhov. Năm 1950 đánh dấu bằng số lượng sách dịch văn học Xô-viết được tăng lên rõ rệt: 8 ấn phẩm, (trong đó có tác phẩm đầu tiên dành cho độc giả nhỏ tuổi): *Thời gian ủng hộ chúng ta* (I. Erhrenbourg), *Tôi đã học viết như thế nào*, *Vài đoạn lí luận văn học* (M. Gorki), *Suối thép* (Scrafimovich), *Vệ quốc chiến* (tập truyện nhiều tác giả), *Chỉ vì gù* (Vatilevka), *Hai chiến sĩ* (Simonov), *Tập truyện nhi đồng*.

Từ cột mốc 1950 trở đi, số lượng sách văn học Xô-viết mỗi năm mỗi tăng, nhất là sau *Hiệp định Hợp tác văn hóa Việt – Xô* được kí vào 1957, việc tăng cường dịch văn học Xôviết được thúc đẩy trông thấy.

Nhà xuất bản *Văn hóa* vừa ra đời (1957) đã dựng hẳn một kế hoạch sách dịch rất quy mô gồm hơn 300 tên sách văn học thế giới, trong đó dành cho văn học Nga – Xô-viết hơn 20 đầu sách: “Chỉ cần nhìn lại tên sách được tuyển chọn, ở đây đã thấy rằng việc giới thiệu văn học Nga – Xôviết ở Việt Nam đã bước sang một giai đoạn mới có ý thức hơn, đầy đủ hơn, khoa học hơn.”^[3] Quá trình ấy tiếp diễn liên tục đến sau ngày đất nước thống nhất, kể cả trong những thời gian chiến tranh ác liệt nhất (những năm 70), và thời kỳ khủng hoảng văn học dịch (cuối những năm 80). Thuý Toàn tổng kết: “Chỉ trong vòng 40 năm qua (bài viết năm 1989), từ khi Nhà xuất bản Văn học đi vào thực hiện kế hoạch xuất bản có quy củ, gắn với *Hiệp định hợp tác văn hóa Việt – Xô* được kí kết năm 1957, đã có hơn 100 tên sách của các tác giả Nga, tác giả Xô-viết ra đời, nhiều tác phẩm được tái bản, mỗi lần tái bản đều được sửa chữa bổ sung, thậm chí được dịch lại một bản mới”.^[4]

Trong bối cảnh chung, việc giao lưu văn hóa và mối quan hệ bên trong của văn học nghệ thuật Việt Nam đối với Liên Xô đã có có những chuyển biến đáng kể: tác phẩm văn học Nga – Xô-viết trong những năm 1985-1986 ra tới 133 đầu sách (so với sách văn học Pháp – 30, Anh: 18, Mỹ: 13), những năm 1987 – 1988 ra tới 119 đầu sách (so với Pháp: gần 60, Anh: trên 60, Mỹ: trên 30). Ngoài ra, nhiều tác phẩm từng được in trước kia, kể cả những cuốn từng bị cấm đoán và thu hồi, được tái bản với số lượng lớn. Tạp chí *Văn học nước ngoài* ra đời, là nơi giới thiệu thường xuyên, có hệ thống các nhà văn nước ngoài, trong đó số nhà văn Nga hiện đại khá nhiều.

Theo bảng thống kê của chúng tôi, từ 1940 đến 1991 ở miền Bắc Việt Nam đã xuất bản, tái bản 564 ấn bản văn học Nga – Xô-viết. Những tác phẩm cuối cùng được dịch ở Việt Nam dưới thời Xô-viết là *Những đứa con phố Arbat* (1990), *Anh em nhà Karamazov* (1991) – những tác phẩm có tính chất cột mốc cho chuyển biến tư duy văn học.

Số ấn bản sách dịch văn học Xô-viết khá cao: cuốn *Sáng tạo, nghệ thuật, con người* (M. Khravchenco) mỗi tập được in ra 62.000 bản, *Mạnh hơn nguyên tử* (G. Berotco) – 40.200 bản, *Chuyện thường ngày ở huyện* (V. Oveskin) – 23.000 bản. Nhưng số ấn bản lớn nhất phải kể đến là sách dịch dành cho lứa tuổi học sinh: mỗi tác phẩm in ra từ vài ngàn đến vài chục ngàn: 30.000, 50.000, thậm chí lên đến 60.000, 80.000 bản, như tập truyện *Volodia Ulianov* (nhiều tác giả) – 60.085 bản, *Dưới gốc nấm* (V. Sucheev) – 70.300 bản, *Mùa thu ở Khakhovca* (Baklanov) – 80.000 bản, và kỉ lục nhất có lẽ là cuốn *Sionkovski* (K. Antaiski) – 120.300 bản.

Về thể loại, sách dịch văn học Xô-viết ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975, (cũng như trong cả nước giai đoạn sau 1975 đến 1991), khá là phong phú: truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết, kịch, bút kí, tiểu luận, phóng sự, thơ trữ tình, trường ca...

Những tác giả được dịch nhiều nhất ở miền Bắc Việt Nam là M. Gorki, Ehrenbourg, Polevoi, Solokhov. Tiêu biểu là Gorki – 22 ấn phẩm với nhiều lần tái bản: *Trong tù* (1946), *Người mẹ* (1946, 1955, 1966, 1967, 1976, 1984), *Tôi học viết như thế nào* (1950, 1960), *Vài đoạn lí luận văn học* (1950), *Các ông đứng về phe nào, hỏi các ông trùm văn hóa* (1955), *Tuyển tập thơ truyện* (1956), *Tập truyện ngắn – 2 tập* (1957, 1970, 1985), *Dưới đáy* (1957), *Những mẫu truyện nước Ý* (1958), *Thời thơ ấu* (1959, 1964, 1971, 1976), *Kiểm sống* (1964, 1971, 1976), *Những trường đại học của tôi* (1964, 1971, 1976), *Văn học Xô-viết – báo cáo trước Đại hội Nhà văn Xô-viết lần I* (1961), *Con chim sẻ nhỏ* (1962), *Bàn về văn học* (1965, 1970), *Foma Gordeev* (1965), *Ở Mỹ* (1967), *Những kẻ thù* (1967), *Bà vợ* (1978), *Truyện kì lạ của Eprâyca* (1987).

Xếp thứ hai là tác phẩm của B. Polevoi: *Misa* (1946), *Thiếu nhi Liên Xô chiến đấu* (1951), *Một bản anh hùng ca ra đời* (1953), *Chị Maria* (1955), *Niềm hy vọng hòa bình* (1955), *Năm mô người chiến sĩ vô danh* (1956), *Người Xô-viết chúng tôi* (1961, 1977), *Viết kí sự* (1961), *Vàng* (1962), *Hậu phương bao la* (1977), *Kết cục* (1985).

I. Ehrenbourg cũng có một số lượng tác phẩm đáng được kể đến: *Thời gian ủng hộ chúng ta* (1950, 1954), *Bão táp* (1961, 1984, 1985), *Công việc của nhà văn* (1956), *Một thị trấn yên tĩnh* (1961), *Những người cùng thời* (1987.)

Tính về số lần in ấn nhiều nhất phải kể đến cuốn *Người mẹ* của M. Gorki: không kể bản dịch bị thất lạc của Tố Hữu thì tác phẩm được in ấn đến 6 lần. Lần 1: 1946 (Nxb Phụ nữ), 2: 1955 (Nxb NDLD), 3: 1966 (Nxb GD), 4: 1967 (nxb Văn

học), 5: 1976 (nxb Văn học), 6: 1984 (Nxb Văn học). (Ở miền Nam giai đoạn 1954 – 1975 có 6 tác phẩm của Gorki, nhưng không có cuốn *Người mẹ*).

Chuyện thường ngày ở huyện của V. Oveskin (Phạm Mạnh Hùng dịch) đã được in và tái bản 3 lần: Nxb *Tác phẩm mới*, 1978, 1979, lần 3 – năm 1984, in tại Liên Xô.

Tác phẩm có nhiều bản dịch vẫn là *Người mẹ*: không kể bản dịch thất lạc của Tố Hữu, chúng ta hiện có trong tay các bản dịch của Ngô Vĩnh, Nhị Mai, Đỗ Xuân Hà và Phan Thao.

Đội ngũ dịch thuật văn học Nga – Xô-viết ở Việt Nam hết sức đa dạng và năng động. Thừa ban đầu, vai trò dịch thuật là do các trí thức *Tây học* (Ngô Tất Tố, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu, Nguyễn Xuân Sanh, Đoàn Phú Tứ, Hoàng Trung Thông, Huỳnh Lý...) đảm nhiệm, cho nên hầu hết các tác phẩm văn học Nga Xôviết được dịch từ tiếng Pháp. Đây là lớp dịch giả tài ba và có tâm huyết, nên bản dịch của họ thường khá thành công, “*được coi chẳng khác nào các sáng tác mẫu mực, có ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của sáng tác văn học nói chung.*”^[5] Có thể lấy bản dịch *Đội anh về* của Tố Hữu để thấy rõ nhận định trên. Tuy nhiên, cuộc sống càng ngày càng đòi hỏi sự năng động, việc dịch tác phẩm từ thứ tiếng nguyên tác được đặt ra như một nhu cầu và yêu cầu thiết yếu. Từ 1960, những cuốn dạy tiếng Nga cho người Việt bắt đầu xuất hiện, phổ biến nhất là cuốn do Dương Văn Thành biên soạn (dùng làm tài liệu dạy trên đài *Tiếng nói Việt Nam*). Hàng loạt sinh viên được gửi sang Liên Xô tu nghiệp. Thế hệ dịch thuật buổi đầu ấy dần dần chuyển giao công việc cho những cây bút trẻ hơn, những người đã chiếm lĩnh được ngôn ngữ Nga: Cao Xuân Hạo, Vũ Thư Hiên, Phạm Mạnh Hùng, Phan Hồng Giang, Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Hải Hà, Thái Hà, Thái Bá Tân, Mộng Quỳnh, Lê Khánh Trường, Nguyễn Thụy Ứng, Phạm Vĩnh Cư, Bằng Việt, Thúy Toàn, Đoàn Tử Huyền... Con số dịch giả này rất đông, họ thành công nhờ vừa chiếm lĩnh được ngoại ngữ (Trung, Pháp, Anh, Nga...) vừa am hiểu và say mê văn chương. Đây là một thế hệ chuyên gia mới không chỉ trong lĩnh vực dịch thuật mà cả nghiên cứu văn học Nga và họ là những nhà khoa học của *một ngành khoa học chưa từng có trong truyền thống*. Nhiều người trong số dịch giả kể trên được tu nghiệp ở nước bạn về, nhưng cũng không hiếm trường hợp tự học tiếng Nga mà trình độ dịch thuật đạt tới mức hoàn hảo (Cao Xuân Hạo với bản dịch *Con đường đau khổ*, Vũ Thư Hiên với các tác phẩm của Paustovski, Phạm Mạnh Hùng với *Rừng Nga*, *Chuyện thường ngày ở huyện*, Nguyễn Thụy Ứng với *Sông Đông êm đềm*...). Từ đây Việt Nam thật sự có một đội ngũ dịch thuật tiếng Nga đầy tiềm lực. Một số dịch giả

chuyên nghiệp dần dần đã chọn được cho mình nhà văn và phong cách phù hợp để dịch: Vũ Thư Iliên, Mộng Quỳnh chinh phục độc giả bằng việc chuyển tải lại một ngôn ngữ dju dàng nên thơ của Paustovski, Nguyễn Thụy Ứng tỏ ra mẫn cảm đặc biệt khi phiên dịch Solokhov sắc sảo, dữ dội mà mẫn mòi duyên dáng, Thuý Toàn với Puskin, Hoàng Ngọc Hiến với Maiacovski, Đoàn Tử Huyền với Bulgacov... Giải thưởng văn học dịch được đặt ra từ trong kháng chiến chống Pháp cũng là một yếu tố thúc đẩy dịch thuật văn học Nga – Xô-viết. Tiếng Nga trở thành một chiếc cầu nối độc giả Việt Nam không những với văn học Nga mà còn với những nền văn học nước ngoài khác: “*Có một hồi, không kể tiểu thuyết Liên Xô mà cả cả tiểu thuyết Anh, Pháp, Mỹ, Thụy Điển, Bồ Đào Nha v.v... thậm chí cả truyện Trung Quốc hiện đại đều được dịch từ tiếng Nga.*”¹⁶¹

Các tác phẩm *Trong tù, Người mẹ* (M. Gorki), *Misa* (Polevoi), *Họ đánh vì tổ quốc* (Solokhov), *Thời gian ủng hộ chúng ta* (Ehrenbuorg), *Suối thép* (Serafimovich), *Hai chiến sĩ* (Simonov) – những tác phẩm của các nhà văn - chiến sĩ hàng đầu của nhân dân Xô-viết – xuất hiện vào những năm 1946 – 1950 đã trở thành một nguồn động viên to lớn đối với các cán bộ, chiến sĩ ở chiến khu Việt Bắc. Các tác phẩm mẫu mực của văn xuôi Xô-viết như *Thép đã tôi thế đấy, Tinh cầu, Người Xô-viết chúng tôi* được giới thiệu rộng rãi bằng nhiều cách và được tiếp nhận như một luồng gió mới thổi vào sinh hoạt tinh thần của cuộc kháng chiến. Đặc biệt cuốn *Tinh ủy bí mật* của nhà hoạt động xã hội A. Fedorov do Chủ tịch Hồ Chí Minh (bút danh là Nguyễn Du Kịch) dịch và giới thiệu in bằng giấy dó đã gây ấn tượng không thể nào quên cho độc giả Việt Nam thời kì đó.

Bài thơ *Đợi anh về* từng nổi tiếng khắp Liên bang Xô-viết, cả ở hậu phương lẫn tiền tuyến, trong những năm Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại (1941 – 1945), từ năm 1947 đã vang lên ở chiến khu Việt Bắc, rồi lan rộng ra cả nước qua “bản dịch tuyệt vời” của Tố Hữu (lời Simonov). Bài thơ còn tiếp tục vang lên trên khắp nẻo đường trong cuộc kháng chiến tiếp theo của nhân dân ta, trở thành lời nhắn gửi tha thiết mong đợi người chiến thắng trở về. Ở Sài Gòn bản dịch tài hoa đó đã được Phạm Duy phổ nhạc, trở nên rất phổ biến. Trong hoàn cảnh chiến tranh, bài thơ có sức truyền cảm ghê gớm, ở cả những phe phái đối lập. Sau 1975, bài thơ được đưa vào như một bài đọc thêm trong chương trình lớp 6.

Hòa bình lập lại, bên cạnh những dịch phẩm viết về chiến tranh, xuất hiện càng ngày càng nhiều hơn những cuốn sách về xây dựng kinh tế. Từ năm 1955 đến năm 1957 trên giá sách dịch có các cuốn *Hàng ngũ hòa bình* (Phuskin), *Sau lúc tan tâm* (Piatniki), *Bút kí của một kỹ sư* (Potvoiski), *Miền mỏ Dolbass* (Gorbatov)... Những cuốn sách đó của đất nước anh em cho chúng ta thấy những

kinh nghiệm hàn gấn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế. Công cuộc xây dựng đất nước gắn liền với việc xây dựng một nền văn hóa, văn học mới, cho nên cùng với loại sách này, chúng ta tiếp tục công việc đã bắt đầu ngay từ trong thời kỳ cuối cuộc kháng chiến: giới thiệu mảng sách lí luận văn học. Sau cuốn *Vài quan điểm văn học nghệ thuật, lí luận văn nghệ* (Zdanov) và cuốn *Hiện thực xã hội chủ nghĩa* (A. Tolstoi, Fadeev) xuất bản năm 1951, 1954, thời gian này chúng ta dịch thêm một số tác phẩm, bài báo chính luận của Bielinski, Gorki, Lenin, một số tác phẩm về kinh nghiệm viết văn của Ehrenbuorg, Antonov...

Thời kỳ tiếp theo, tiểu thuyết và mảng sách lí luận tiếp tục được chú ý. “Năm 1962 sách Nga – Liên Xô kể cả tiểu thuyết lẫn lí luận, kinh nghiệm sáng tác, in ra chiếm tới 22 trong số 57 cuốn sách dịch. Qua năm 1963, tỉ lệ này là 15/55, và tới 1964, đại khái vẫn vậy.”^[7] Bên cạnh loại sách này chúng ta dịch thêm khá nhiều tác phẩm cho lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng. Sách Liên Xô trở thành thân thuộc với bạn đọc nhỏ tuổi Việt Nam, góp một phần không nhỏ trong việc hình thành học vấn, thế giới thẩm mỹ của thế hệ học trò những năm ấy. Trên danh mục những năm 60 – 70 sách dành cho lứa tuổi này chiếm hơn ½ tổng số sách dịch văn học Nga – Xôviết. Loại sách này càng tăng hơn nữa từ 1965 trở đi. Nguyên do là từ cuối 1963 đầu 1964 “một số tác phẩm như *Tác đất của Baklanov, Chuyện núi đồi và thảo nguyên của Aitmatov* hoặc các phim *Bài ca người lính, Người thứ 41... bị phê phán mạnh mẽ, coi như có hại tới tinh thần phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.*”^[8] Sự kiện này tác động đến việc chọn sách dịch. Dịch sách cho nhi đồng có vẻ “an toàn” hơn. Hệ quả là “cho tới 1978, tác phẩm Nga dịch sang tiếng Việt không những giảm về số lượng, mà còn được khuôn vào một định hướng rõ rệt, là gần như chỉ dịch các tác phẩm cổ điển (trừ Dostoievski) và các tác phẩm được giải thưởng Stalin.”^[9]

Chuyện thường ngày ở huyện (Oveskin) được dịch vào năm 1978, đúng lúc nước ta đang triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng lần thứ 5. “Cuốn sách hướng dẫn đồng đảo bạn đọc, trở thành sách gối đầu giường của nhiều cán bộ ở các địa phương, được Thành ủy TP. Hồ Chí Minh cho đăng tải trên báo Sài Gòn giải phóng, được cải biên thành kịch bản đưa lên màn ảnh truyền hình”^[10], “Có tình ủy Đảng cộng sản Việt Nam đã yêu cầu cán bộ các cấp dưới nên đọc và học tập kinh nghiệm công tác nông thôn qua sáng tác của Oveskin.”^[11] Từ cuốn sách này, đài truyền hình Việt Nam đã dàn dựng một vở kịch do các diễn viên nổi tiếng của Nhà hát kịch đảm nhiệm, gây tiếng vang lớn một thời.

Nhìn vào danh mục sách dịch văn học Nga – Xô-viết ở miền Bắc giai đoạn 1945 – 1975, một điều dễ nhận thấy là ngoài tác phẩm văn học cổ điển Nga, các sách còn lại phần lớn thường là của các tác giả giải thưởng Quốc gia (B. Polevoi, M. Solokhov, I. Ehrenbuorg, L. Sobolev, C. Simonov, A. Tolstoi, A. Fadeev, N. Ostrovski, B. Gorbato, N. Pogodin...) Ở Liên Xô thời gian đó tác phẩm của các vị này được tái bản nhiều lần với số lượng ấn bản cao.

Bức tranh dịch thuật văn học Nga – Xô-viết của miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975 cũng rất ấn tượng. Qua những con số thống kê, ta thấy việc nhập cảng và dịch sách khá là nhộn nhịp. Nhịp độ phát triển của sách dịch từ thời tổng thống Ngô Đình Diệm đến thời tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và cho tới những ngày trước khi chính quyền cũ chấm dứt càng ngày càng gia tăng. Tạp chí *Bách khoa* số xuân Giáp Dần (1974) thống kê sách dịch năm 1972 là 60% tổng đầu số sách được xuất bản, và đến năm 1973 đã tăng lên xấp xỉ 80%. Nguyên nhân chính của việc tăng vọt tỷ lệ sách dịch như vậy là từ 1972 các nhà xuất bản gặp khó khăn trong vấn đề kiểm duyệt, nên quay sang dịch truyện.

Sau khi miền Nam giải phóng một năm, vào tháng 7/1976, ta có cuộc điều tra thống kê đầu sách. Trong bốn thư viện lớn ở Sài Gòn, khai thác trên 8 tạp chí khác nhau, người ta đã đưa ra một con số khổng lồ về các tác phẩm văn học nước ngoài được dịch ở miền Nam giai đoạn 1954 – 1975, trong đó số sách văn học Nga – Xô-viết là 120 (so với sách văn học Đức là 57, Ý là 58. Nhật là 71, Anh là 91, Mỹ là 273, Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông là 399)^[12]. Con số này cho ta thấy sách văn học Nga – Xô-viết chiếm một tỉ lệ đáng kể giữa các tác phẩm văn học nước ngoài ở đây.

Xã hội miền Nam trước 1975 là nơi giao lưu của hai nền văn hóa Đông – Tây. Văn học Trung Hoa, Đài Loan, Hồng Kông cùng với văn học cổ điển cũng như hiện đại Pháp, Anh, Mỹ... có nhiều ảnh hưởng sâu đậm tới các mặt cuộc sống tinh thần đô thị miền Nam. So với những nền văn hóa này, văn học Nga – Xô-viết đến với độc giả miền Nam có muộn màng hơn một chút, nhưng vẫn có một vị trí nhất định trên văn đàn. Nhiều tác phẩm lớn có giá trị được giới thiệu, trong đó có những cuốn sách gây ấn tượng mạnh mẽ, được dư luận bàn tán sôi nổi, ví dụ như *Bác sĩ Zivago* của Pasternac chẳng hạn.

Nếu như ở miền Bắc số sách của các tác giả được giải Quốc gia thường đứng hàng đầu, thì ở miền Nam người ta chú ý hơn đến các tác giả giải Nobel văn chương như Soljetnitsyn, Pasternac, Solokhov... Và nếu như M.Gorki là tác giả văn học Xô-viết đứng hàng đầu về danh mục ấn phẩm được dịch sang tiếng Việt ở miền Bắc thì người giữ vị trí đó ở miền Nam là Soljetnitsyn. Hầu hết các tác

phẩm chính yếu cho tới lúc bấy giờ của ông đều được chuyển ngữ: *Một ngày trong đời Ivan Denisovich* (1970), *Vòng đầu địa ngục* (1971, 1973 – ba bản dịch và các nhà xuất bản khác nhau), *Khu ung thư* (1971), *Bất ngờ tại ga Krechetovka* (1973), *Ngôi nhà của Machiona*, *Vì đại cuộc* (1974), *Quần đảo ngục tù* (1974). Ngoài ra trên các tạp chí *Bách Khoa*, *Văn...* còn trích đăng một số truyện ngắn cũng như một số đoạn trích tiểu thuyết của ông: *Gian nhà của Machiona*, *Đám cưới lễ phục sinh*, *Bàn tay phải...*

Soljenitsyn được giới thiệu nhiều nhất trong số những nhà văn mà người ta gọi là có xu hướng “chống đối”, “phản nghịch” đối với chính quyền Xôviết. Xếp hàng phía sau nhà văn này có thể kể đến B. Pasternac, A. Siniavski, I. Daniel, V. Dundisev. Tên tuổi của Soljenitsyn nổi bật trên thị trường sách báo những năm 70, sau khi ông nhận giải thưởng Nobel văn chương. Các nhà xuất bản thi nhau dịch tác phẩm của ông. Cùng một lúc trên thị trường có tới ba bản dịch khác nhau (của Hải Triều, Vũ Minh Thiệu, Thanh Tâm Tuyền) cho cuốn *Tảng đầu địa ngục*. Tác phẩm *Quần đảo Gulac* được đăng tải một lúc trên hai tờ báo lớn nhất Sài Gòn lúc đó là tờ *Sóng Thần* của Chu Tử và tờ *Dân Chủ* của Nguyễn Văn Thiệu. Tên tuổi của Soljenitsyn nổi bật trên thị trường sách báo những năm 70, sau khi ông nhận giải thưởng Noben văn chương. Trong một thời gian dài Soljenitsyn trở thành trung tâm chú ý của các phương tiện thông tin đại chúng. Trên nhiều lĩnh vực văn hóa đời sống người ta có thể bắt gặp tên tuổi ông. Xuất hiện hàng loạt tác phẩm của ông, những bài viết về ông, thư ngỏ, diễn văn, trả lời phỏng vấn của ông. Đăng tải một loạt các bài nghiên cứu, khảo luận, giới thiệu của các tác giả nước ngoài và Sài Gòn (Harrison Salisbury, Max Hayward, Michel Gordey, Tràng Thiên, Hoàng Hải Thủy, Đào Trường Phúc, Lê Vũ...) viết về ông. Soljenitsyn cũng là một trong những tác giả văn học Nga – Xôviết được dịch cuối cùng trên thị trường sách báo miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975.

Sách dịch ở miền Nam thường xảy ra hiện tượng cùng một tác phẩm nhưng có nhiều bản dịch khác nhau. Ví dụ như các bản dịch tác phẩm của Soljetnisyn như vừa nêu, hay như cuốn *Bác sĩ Zivago* của Pasternac có tới ba bản dịch (Trương Văn và Sơn Tịnh – 1959, Nguyễn Hữu Hiệu – 1973, Văn Tư và Mậu Hải – 1973); *Mùa trong bình minh* của Paustovski có 2 bản dịch, một của Bửu Kế (1955), một của Vũ Minh Thiệu (1966). Điều này có thể do cơ cấu nhà xuất bản ở đây mang tính chất tư nhân, có sự cạnh tranh, thu hút khách hàng, và không loại trừ khả năng có nhu cầu dịch mới tác phẩm.

Hàng ngũ dịch giả, nhìn chung, có trình độ học vấn khá cao. Trong số họ có những người có vốn ngoại ngữ hoàn hảo, có năng lực văn chương và trách

nhiệm nghề nghiệp, cho nên bản dịch của họ đáng tin cậy. (Nguyễn Hiến Lê, Đỗ Khánh Hoan. Giản Chi, Bửu Ý, Nguyễn Hữu Hiệu...). Tất cả các tác phẩm văn học Nga – Xôviết được dịch sang tiếng Việt ở đây đều thông qua bản tiếng Anh hoặc Pháp, bởi ở Sài Gòn lúc này chưa có ai thông thạo tiếng Nga. Và có lẽ, thời ấy, chỉ thông qua tiếng Anh, Pháp mới có thể tiếp cận được với tác phẩm của các nhà văn Xôviết đang còn bị cấm đoán. (Tô Hoài trong *Chiều chiều* có kể rằng ở Hà Nội lúc đó chỉ có 2 cuốn *Bác sĩ Zivago* (bằng tiếng Pháp), một phân phối về thư viện trường Nguyễn Ái Quốc, một do Tô Hoài được phân công cất giữ).^[13]

Sau 1975 đến 1985, trong cả nước, ta thấy cách chọn sách dịch mảng văn học Xôviết, về căn bản, không thay đổi nhiều lắm. Ở những năm 80 đề tài về chiến tranh bắt đầu được nhìn ở một tầm khái quát khác. Trong những năm này nổi bật trong danh mục sách dịch là những tác phẩm viết về chiến tranh của C. Simonov (*Những người sống và những người chết*), I. Bondarev (*Tuyết bông, Lựa chọn, Bến bờ, Trò chơi, Các tiểu đoàn xin chi viện*). V. Rasputin (*Hãy sống và nhớ lấy*), V. Bycov (*Bài ca núi Anpơ, Gắng sống đến bình minh*), A. Ivanov (*Tiếng gọi vĩnh cửu*), B. Vasiliev (*Và nơi đây bình minh yên tĩnh, Tên anh chưa có trong danh sách*)... Cuộc chiến tranh Vệ quốc của nhân dân Xôviết (1941 – 1945) và cuộc kháng chiến trường kì 30 năm của dân tộc Việt Nam đã đang lùi vào quá khứ, nhưng tiếng vọng của nó vẫn âm vang, một âm điệu vẫn thống thiết, nhưng đã trở nên thâm trầm trong chiêm nghiệm, triết lý sâu xa. Điều này thể hiện rất rõ trong các sách được chọn dịch trên. Cuối thập niên 80, bước vào năm đầu thập niên 90 ta thấy trên giá sách dịch bắt đầu xuất hiện một số tên tuổi tác giả Xôviết cũng như tác phẩm của họ mà độc giả Việt Nam những thập niên trước ít hoặc không được biết đến như O. Bergon (*Những ngôi sao ban ngày*, 1987), B. Pasternac (*Thơ tình cho Lara, Bác sĩ Zivago*, 1988), M. Bulgacov (*Trái tim chó*, 1988), Dundisev (*Sống không chỉ bằng bánh mì*, 1988), A. Rybacov (*Những đứa con phố Arbat*, 1988, 1990).

Sau Hội nghị sách xuất bản toàn quốc (1984) đến 1989 sách văn học Nga – Xôviết được bung ra dịch ồ ạt. Theo con số của Thúy Toàn, khoảng 1984 – 1989 tất cả các nhà xuất bản cho ra chừng 300 đầu sách văn học Nga – Xôviết.^[14] Nhưng từ 1989 trở đi, do xóa bỏ chế độ bao cấp, xóa bỏ chế độ hai giá đối với giấy, các nhà xuất bản chuyển sang hạch toán kinh doanh, việc chọn dịch và in tác phẩm buộc phải tuân theo kinh tế thị trường. Bạn đọc không thích những tác phẩm “có vấn đề”, hầu như không còn chấp nhận văn học Liên Xô nữa, mà chuyển tới những sách đại chúng ăn khách của phương Tây.

Nhìn vào bảng thống kê sau đây ta sẽ thấy rõ điều đó:

<u>Năm</u>	<u>Tổng số</u>	<u>Anh</u>	<u>Pháp</u>	<u>Mỹ</u>	<u>Nga-Xôviết</u>	<u>Trung Quốc</u>
1998	236	42	36	35	12	23
1990	120	26	30	28	2	1
1991	362	33	57	78	6	16
1992	119	13	19	42	0	1

Thúy Toàn nhận định về tình trạng trên: “Trong vòng 4 năm đó, sách Anh, Pháp, Mỹ chiếm từ 1/2 đến 2/3 tổng số sách dịch, trong số này hầu hết là best seller của văn hóa đại chúng tập trung vào một số tác giả ăn khách nhất của Mỹ là D. Stin, J. Colin, H. Robin, S. Sendon – chiếm tới ¼ tổng số 199 đầu sách Mỹ. Sách trình thám kinh dị của J. H. Chays chiếm tới 30 cuốn, của A. Cristin chiếm tới 20 cuốn”.¹¹⁵ Từ 1991 đến cuối thế kỉ, việc in ấn tác phẩm văn học Xôviết bị thu hẹp lại. Không chỉ có độc giả rộng rãi bị tước khả năng đọc các tác phẩm nghệ thuật Xôviết mà ngay cả các chuyên gia văn học nước ngoài cũng khó khăn tiếp cận với tình trạng của văn học Nga đương đại. Bước sang thế kỉ XXI, văn học Nga – Xô-viết lại đang dần dần quay trở lại trên thị trường sách báo hết sức phong phú hiện thời của chúng ta.

Những con số phác thảo trên là những con số biết nói, cho ta thấy một bức tranh toàn cảnh hết sức rực rỡ và đa dạng về một nền văn học dịch Xô-viết ở Việt Nam, qua đó ta có thể cảm nhận được những cách tiếp cận khác nhau về cùng một nền văn học. Quá trình trên cũng cho chúng ta thấy sách dịch văn học Xôviết luôn tuân theo dòng diễn tiến của lịch sử xã hội với những nhu cầu từng bước thay đổi. Nghĩa là, lịch trình dịch thuật văn học Xô-viết ở Việt Nam luôn nằm trong mối tương quan với phong trào xã hội: Bộ phận văn học dịch này vừa phản ánh những bước đi của đời sống vật chất, tinh thần xã hội, vừa cho ta thấy những chuyển biến của nhu cầu thị hiếu của các thế hệ độc giả nước ta trong vòng hơn nửa thế kỉ qua.

Chú dẫn:

1. Lưu Văn Bồng (2001). *Văn học so sánh và nghiên cứu dịch thuật. Văn học so sánh – lý luận và ứng dụng*, tr. 172. Hà Nội: KHXH.
2. Dẫn theo Thúy Toàn (1998). *Không của riêng ai*, tr.330. Hà Nội: Văn học.
3. Thúy Toàn (1998), sdd, tr 46.

4. Thúy Toàn (1998), sđđ, tr. 49.
5. Thúy Toàn (1998) sđđ, tr. 96.
6. Vương Trí Nhân (1998). *Bao giờ mới có một đội ngũ chuyên nghiệp hoá đạt tiêu chuẩn quốc tế. Không của riêng ai*. Hà Nội: Văn học.
7. Vương Trí Nhân (1998). *Khung cửa nhìn ra thế giới*. Tạp chí *Văn học nước ngoài* số 1, tr. 227. Hà Nội: Hội nhà văn.
8. Vương Trí Nhân (1998). sđđ, tr.227.
9. Vương Trí Nhân (1998). sđđ, tr.227.
10. Thúy Toàn (1998). sđđ, tr.257.
11. Vũ Đức Phúc (1997). *Nền văn học vĩ đại nhất. Những kỉ niệm không dễ gì phai lạt*, tr. 434. Hà Nội: Văn học.
12. Dẫn theo Trần Trọng Đăng Đàn (1990). *Văn học thực dân mới Mỹ ở Miền Nam những năm 1954 – 1975*, tr.309. Long An.
13. Tô Hoài (1999). *Chiều chiều*, tr.139. Hà Nội: Hội nhà văn.
14. Thúy Toàn (1998). sđđ, tr.27.
15. Thúy Toàn (1998). sđđ, tr. 30.